

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 08/2023/DS-ST

Ngày: 15/02/2023.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Thành Phước.

2. Bà Đỗ Thị Thúy Diễm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nhân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 02 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số: 182/2022/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2022/QĐXXST-DS ngày 28/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2023/QĐST-DS ngày 16/01/2023. Giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thu T, sinh năm 1962 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1971 (vắng mặt); bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/9/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Phạm Thu T trình bày: Vào ngày 19/9/2022 bà H và bà T1 có đến nhà bà T để hỏi vay tiền trả món nợ vay ở ngân hàng N – Chi nhánh huyện M, tỉnh Bến Tre. Do quen biết nhau trước và những lần vay mượn trả ngân hàng trước đây bà T1 và bà H giữ uy tín nên bà T cho bà H và bà T1 vay số tiền là 200.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận bằng miệng lãi suất là 1,5%/tháng, thời hạn trả nợ vay là 10 ngày sau khi vay. Tuy nhiên, sau khi vay bà H và bà T1 không có

trả tiền vay theo thỏa thuận, còn nợ lại bà T số tiền vốn gốc là 200.000.000 đồng. Do đó, nay bà T yêu cầu bà H và bà T1 phải liên đới hoàn trả cho bà T số tiền vay là 200.000.000 đồng vốn gốc, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T1 và bà Nguyễn Thị H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thu T, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T1 và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà T số tiền vay là 200.000.000 đồng. Ghi nhận bà T không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn là bà Phạm Thu T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị T1 và bà Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do đủ đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà T, bà T1 và bà H là phù hợp.

[2] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là văn bản không có tiêu đề đề ngày 19/9/2022 có ghi địa chỉ của bà Nguyễn Thị T1 và bà Nguyễn Thị H là ở ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định bà Nguyễn Thị T1 và bà Nguyễn Thị H đã cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung là phù hợp.

[3] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn bà T cung cấp là văn bản không có tiêu đề đề ngày 19/9/2022 thể hiện nội dung như sau: “Hôm nay ngày 19/9/2022 tôi tên Nguyễn Thị H, sinh 1978, chị tôi là bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1971, ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre, chúng tôi có mượn số tiền của chị T là hai trăm triệu đồng, 200.000.000, trả ngân hàng 10 ngày trả lại, H, Nguyễn Thị H, T1, Nguyễn Thị T1, 0376748392”. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ: bản sao đơn khởi kiện của bà Phạm Thu T và các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện của bà T; thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo giao nộp tài liệu, chứng cứ cho phía bị đơn là bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị T1, tuy nhiên bà H và bà T1 vẫn vắng mặt không lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án, đồng thời không có giao nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của

bà H và bà T1 đối với yêu cầu của nguyên đơn bà T, cũng như không có giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để phản đối yêu cầu của nguyên đơn bà T đưa ra. Do đó, căn cứ vào Điều 91 và 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, Hội đồng xét xử xét thấy: có đủ căn cứ xác định bà T1 và bà H đã vay tiền của bà T số tiền vay là 200.000.000 đồng, do đó bản thân bà T1 và bà H là bên vay đã tham gia giao dịch về vay tiền với bà T nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền vay của mình là vi phạm hợp đồng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc bà T1 và bà H phải liên đới hoàn trả cho bà T số tiền vay là 200.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 463 và 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Việc bà T không yêu cầu tính lãi là sự tự nguyện của bà nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: buộc bà T1 và bà H phải liên đới chịu do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T được Tòa án chấp nhận, án phí bà T1 và bà H phải liên đới chịu là: 200.000.000 đồng x 5% = 10.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thu T.

Buộc bà Nguyễn Thị T1 và bà Nguyễn Thị H phải liên đới hoàn trả cho bà Phạm Thu T số tiền vay là 200.000.000 đồng vốn gốc.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Nguyễn Thị T1 và bà Nguyễn Thị H phải liên đới chịu án phí là 10.000.000 đồng.

Hoàn trả cho bà Phạm Thu T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.025.000 đồng theo biên lai thu số 0000555 ngày 28/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc.

Án phí sung vào công quỹ nhà nước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định

tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 05/2022/QĐ-BPKCTT ngày 29/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ”.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA
TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu (HS, VP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ngọc Đạt